

Số: 3277 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH JYS Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Nhơn Trạch tại Tờ trình số 255/TTr-UBND ngày 08 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 423/TTr-LĐTBXH ngày 10 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc của Công ty TNHH JYS Việt Nam do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ cho 90 người lao động ngừng việc từ ngày 01/8/2021 đến ngày 15/9/2021 với số tiền là 90.000.000 đồng, trong đó có 02 người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi (02 trẻ em) với số tiền là 2.000.000 đồng và 05 người lao

động đang mang thai với số tiền 5.000.000 đồng. Tổng kinh phí hỗ trợ là 97.000.000 đồng (chín mươi bảy triệu đồng chẵn).

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Nhơn Trạch chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Nhơn Trạch và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *lnh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGỪNG VIỆC DO ĐẠI DỊCH COVID-19
CỦA CÔNG TY TNHH JYS VIỆT NAM, HUYỆN NHƠN TRẠCH**
(Đính kèm theo Quyết định số 3277 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh)

TT	Họ và tên	Phòng/ ban/phân xưởng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Mã số BHXH	Thời gian ngừng việc		Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/thẻ căn cước công dân
					Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		
(1)	(2) *	(3)	(4)	(5) *	(6) *	(7)	(8)	(9)
I Danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động ngừng việc								90.000.000
1	Lê Hữu Phước	CN đập lông	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516161358	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371462462
2	Nguyễn Huỳnh Như	CN đập lông	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9622618504	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381922439
3	Đặng Nhật Trường	CN đập lông	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9522094315	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	385865234
4	Đặng Thị Bích Ngọc	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925564347	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	352681715
5	Huỳnh Anh Hào	CN đập lông	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9122781596	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371910150

6	Huỳnh Thị Ngọc Linh	CN dập lông	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9122791981	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	372001245
7	Lê Thị Kiều Loan	CN dập lông	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9123595211	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371818238
8	Võ Thị Thanh Tiền	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8924434326	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	351899018
9	Châu Tuấn Anh	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9622462818	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381349245
10	Nguyễn Kim Cửu	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9222552051	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	361631215
11	Đào Thị Bích Nhung	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9123984300	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371008138
12	Phạm Thị Thu Hạnh	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7510102986	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271386971
13	Ao Trí Luận	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7511034757	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271699349
14	Nguyễn Thanh Hải	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925597495	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	351605462
15	Trần Ngọc Thúy	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9122770716	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	370860231
16	Huỳnh Văn Lâm	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9122740787	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	370901749
17	Trần Thanh Phê	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	5420633509	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221417893
18	Nguyễn Hoàng Nam	CN ép nhựa B	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516118311	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341602866

19	Nguyễn Thị Mỹ Phúc	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7508218635	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271604639
20	Đào Thị Nga	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7722663977	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	273458341
21	Lê Thị Hén	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	92223017840	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	362268760
22	Lê Trí Tường	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9222037479	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	0922200000987
23	Nguyễn Văn Toàn	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7512050694	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	362406639
24	Nguyễn Văn Thời	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9622309921	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381408155
25	Lý Văn Khanh	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9621507481	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381936062
26	Nguyễn Thị Thoa	NV kinh doanh	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7511010355	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	362337454
27	Nguyễn Thanh Tân	CN in	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7526709800	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272608048
28	Phan Văn Minh	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	6622573738	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	242007819
29	Huỳnh Phi Học	NV kho NV 1	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	5420922061	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221251055
30	Bùi Văn Hồ	NV kho NV 2	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9622462817	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	381782936
31	Nguyễn Văn Đạt	NV kho NV 3	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925564345	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	352653657

32	Nguyễn Quang Tuấn	NV kho NV 4	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7508054792	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271643839
33	Võ Cao Lụa	NV kho D0	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7713021693	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272408510
34	Huỳnh Thủy Kiều	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7514203650	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371854502
35	Đào Thị Ghém	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925597496	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	351926855
36	Nguyễn Văn Tùng	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516162515	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	312133841
37	Trần Thị Thu	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7415037899	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	241481859
38	Phạm Thị Kim Hồng	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8213001956	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341267890
39	Thi Văn Trường	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	3823598589	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	172803889
40	Trần Thị Cẩm Loan	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9521589593	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	385723882
41	Trần Thị Thủy	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7415037898	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	241481858
42	Nguyễn Thanh Tú	CN ép nhựa A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9422300606	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	365714441
43	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9222687635	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	092198000270
44	Nguyễn Thị Ngọc Duyệt	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9123907271	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	371954138

45	Nguyễn Thị Diễm	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516129085	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341876642
46	Nguyễn Thị Tuyết Hoa	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7515143128	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271768754
47	Võ Thị Ánh Nguyệt	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7526787011	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271006846
48	Nguyễn Thị Kim Thuê	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9422416928	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	365106646
49	Nguyễn Văn Thanh	CN khuôn	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925538364	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	352583738
50	Lê Thị Thùy Dương	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7509086535	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271768892
51	Võ Thị Vân	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7508247693	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271326377
52	Nguyễn Thị Thu Trang	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8222928526	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	311465795
53	Trần Nữ Sương Sương	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7515048873	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	264462627
54	Đỗ Thế Nhân	NV bảo trì	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	3823514125	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	038200020511
55	Nguyễn Mạnh Hùng	NV bảo trì	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	0120078642	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	001084031175
56	Mai Thị Thu Hồng	NV bảo trì	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9223004624	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	092188002904
57	Nguyễn Văn Phưong	NV nghiên nhựạ	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9221859425	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	362235124

58	Nguyễn Văn Dũng	NV nghiên nhự	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	9222672687	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	092068000026
59	Âu Dương Kết	CN QC	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8013016721	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272181630
60	Lê Ngọc Thương	CN dập lông	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7513200394	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272340384
61	Bùi Văn Năm	Tập vụ	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516154895	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	270887540
62	Huỳnh Công Danh	NV Tv&Tx	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7515138067	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272475623
63	Nguyễn Văn Tài	NV Tv&Tx	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	4217716277	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	183563191
64	Hồ Thị Loan	NV kinh doanh	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7415065601	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	183859900
65	Bùi Chí Nghĩa	Quản lý sản xuất	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7513194310	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271903565
66	Nguyễn Văn Nghiệp	NV bảo trì	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	5421142764	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	221139517
67	Nay H' San	CN ép nhự B	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	6422624397	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	231374935
68	Nay H' Úc	CN ép nhự A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7515048997	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	231050960
69	Đinh Hoài Sơn	CN ép nhự A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	4420161452	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	044099001365
70	Võ Văn Chí Linh	CN ép nhự A	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8925300120	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	352663159



71	Nguyễn Thanh Hà	NV bảo trì	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8421269525	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	334270490
72	Lương Ngọc Phương	NV Tv&Tx	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7513007027	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271159983
73	Phan Quốc Thanh	NV Ga	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7508244064	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271746522
74	Kha Văn Vinh	CN ép nhựa A	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	4016610896	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	187472595
75	Triệu Thị Thắm	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7914201090	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	085057246
76	Lô Văn Hậu	CN ép nhựa A	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	4016583420	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	187132827
77	Đặng Thị Như Hoa	CN PQC	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8722004465	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341978283
78	Nguyễn Duy Phương	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8724130563	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341727328
79	Lê Minh Thịnh	CN ép nhựa A	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	6623501579	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	241634765
80	Tô Văn Hoàng Sơn	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7524188908	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271558390
81	Trần Quế Minh	CN lắp ráp	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8223910239	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	312332057
82	Trương Thanh Hải	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7933627898	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	09408200223
83	Thẩm Văn Chúc	CN ép nhựa B	HDLĐ xác định thời hạn (01 năm)	6422493825	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	230835977

84	Đình Tiến Hải	CN PQC	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	4420137511	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	044099001368
85	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	CN PQC	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8224084030	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	311993536
86	Trần Thị Phúc	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7512021460	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	341295081
87	Siu H' Nung	CN lắp ráp	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7516135003	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	231176415
88	Dương Thị Thúy	CN QC	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7508111183	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	271939043
89	Thái Thị Ánh	NV thu mua	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	7716028285	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	272434327
90	Huỳnh Quốc Phong	NV kinh doanh	HĐLĐ xác định thời hạn (01 năm)	8622169962	01/08/2021	15/09/2021	1.000.000	331865510
II	Hỗ trợ cho người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi							
TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ tên vợ hoặc chồng	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CMND/thẻ căn cước công dân
(1)	(2)*	(3)	(4)	(5)*	(6)*	(7)	(8)	(9)
1	Siu H' Nung	87	Võ Nhật Trường Vi	03/12/2020	Võ Xuân Đức	221343032	1.000.000	231176415
2	Trần Thị Phúc	86	Trần Thảo Vy	04/12/2020			1.000.000	341295081
III	Hỗ trợ cho người lao động đang mang thai							
						5.000.000		

TT	Họ và tên	Thứ tự tại mục I			Số tiền hỗ trợ (ĐVT: đồng)	Số CM/Thẻ căn cước công dân	Ghi chú
1	Thái Thị Ánh	89			1.000.000	272434327	
2	Đào Thị Nga	20			1.000.000	273458341	Thai 20 tuần
3	Lê Thị Hên	21			1.000.000	360068760	Thai 21 tuần
4	Nay H' Úc	68			1.000.000	231050960	Thai 12 tuần
5	Triệu Thị Thắm	75			1.000.000	85057246	Thai 32 tuần
TỔNG CỘNG (I) + (II) + (III)						97.000.000	

Tổng số tiền hỗ trợ: 97.000.000 đồng
(Bằng chữ: Chín mươi bảy triệu đồng chẵn)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Phi